TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 04-4-2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Ông Nguyễn Văn Hoành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-NHGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Tô Hoàng V, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D và ông Tô Hoàng V cưới nhau năm 1999, không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau bà và ông V chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, ông V không lo lắng, chăm sóc cho gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc. Bà D và ông V không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Tô Hoàng V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung là tên Tô Thị Anh T, sinh ngày 19/6/2000 (đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống) và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 16/3/2007, hiện cháu P chưa đủ 18 tuổi, còn đi học, đang do bà D nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Tô Hoàng V không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị tuyên bố không công nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và ông Tô Hoàng V là vợ chồng, do không đăng ký kết hôn, giao cháu Nguyễn Anh P cho bà D nuôi, không buộc ông V cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn ông Tô Hoàng V lần thứ hai nhưng ông V đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Tô Hoàng V, bà D trình bày bà và ông V cưới nhau năm 1999, không có đăng ký kết hôn, ông V không có lời trình bày. Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, kết quả xác minh cho thấy bà D và ông V chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án tuyên bố không công nhận vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử cần tuyên không công nhận bà D và ông V là vợ chồng theo quy định của pháp luật như trên.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Tô Hoàng V có hai người con tên Tô Thị Anh T, sinh ngày 19/6/2000 và cháu

Nguyễn Anh P, sinh ngày 16/3/2007, con chung tên Tô Thị Anh T đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống, cháu Nguyễn Anh P chưa đủ 18 tuổi, hiện đang do bà D nuôi dưỡng, bà D yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu P hiện do bà D nuôi dưỡng nên thống nhất giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, khi nào bà D có yêu cầu thì có quyền khởi kiện để được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí là 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[6] Tại phiên toà ý kiến Kiểm sát viên về việc đề nghị giải quyết vụ án như đã nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Tô Hoàng V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 16/3/2007 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Tô Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0002884 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Bích Phượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;